TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 116/2022/DS-ST
Ngày 30 tháng 9 năm 2022
V/v: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thị Chuyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Kim Oanh

2. Ông Nguyễn Xuân Trường

- Thư ký phiên toà:Bà Dương Thị Huệ- Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa***: Ông Phùng Anh Tuấn- Kiểm sát viên.

Trong ngày 30/9/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa mở phiên toà xét xử vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 157/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2022 về việc: "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 109/2022/QĐXXST-DS ngày 06/9/2022 giữa:

*** *Nguyên đơn***: Bà Vũ Thị B, sinh ngày 01/01/1962. Cư trú: Thôn BA, xã HA, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang. (Có mặt)

*** *Bị đơn***: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1972 và bà Tạ Thị H, sinh năm 1978. Cùng cư trú: Thôn LY 2, xã HV, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang. (Ông Đ có mặt, bà H vắng mặt)

*** *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan***: Ông Nguyễn Văn Ch, sinh năm 1960. Cư trú: Thôn BA, xã HA, huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang.

Ông Ch uỷ quyền cho bà Vũ Thị B tham gia tố tụng. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án thì nguyên đơn là bà Vũ Thị B, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn Ch do bà B đại diện theo ủy quyền thống nhất trình bày: Ông Nguyễn Văn Đ

có nhiều lần đến nhà bà mua thức ăn chăn nuôi về phát triển kinh tế gia đình. Sau khi Ông Đ bán hết lợn, gà, vịt. Hai bên thanh toán đối chiếu sổ sách đến ngày 02/6/2018, tổng số tiền gốc mà vợ chồng Ông Đ nợ bà là 125.500.000 đồng. Các bên thống nhất chuyển số tiền cám mà Ông Đ nợ bà thành khoản tiền vay. Các bên đã lập thành giấy vay tiền đề ngày 02/6/2018 tức ngày 14/7/2018 dương lịch. Thời hạn vay đến ngày 14/7/2020 thì trả. Các bên thỏa thuận lãi suất 1,2%/tháng. Ông Đ bà H đã trả làm nhiều lần cho bà được tổng số tiền lãi là 25.500.000 đồng. Đến hạn trả tiền, nhiều lần bà đòi nợ nhưng vợ chồng Ông Đ bà H không trả. Bà xác định số tiền mà vợ chồng Ông Đ nợ là tài sản chung của vợ chồng bà. Nay bà yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ và vợ là Tạ Thị H phải thanh toán số tiền gốc còn nợ là 125.500.000 đồng *(Một trăm hai mươi lăm triệu, năm trăm nghìn đồng chẵn)* và tiền lãi tính kể từ ngày 14/7/2018 đến ngày toà án xét xử xong vụ án này với mức lãi suất là 1,2%/tháng, cụ thể thời gian tính lãi là 04 năm 02 tháng 16 ngày nhưng bà chỉ yêu cầu trả lãi trong thời gian 04 năm 02 tháng với tổng số tiền lãi là 75.300.000 đồng, trừ số tiền lãi đã trả 25.500.000 đồng, tiền lãi Ông Đ còn phải trả vợ chồng bà là 49.800.000 đồng. Bà không đồng ý miễn tiền lãi cho vợ chồng Ông Đ. Bà là người cao tuổi, đề nghị Tòa án xem xét miễn tiền tạm ứng án phí và án phí cho bà.

* Bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ trình bày: Do có mối quan hệ quen biết nên vợ chồng ông có mua cám (thức ăn chăn nuôi) của bà Vũ Thị B ở thôn BA, xã HA để chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình vào khoảng những năm 2015- 2016. Do làm ăn khó khăn, chăn nuôi không gặp nên vợ chồng ông chưa thanh toán được tiền cám cho bà B. Đến ngày 02/6/2018 thì ông và bà B có nói chuyện và thoả thuận với nhau về tổng số tiền nợ của vợ chồng ông, vợ chồng ông còn nợ của bà B số tiền là 125.500.000 đồng được chốt bằng Giấy vay tiền, ông là người ký nhận vào mục "người vay". Các bên thoả thuận lãi suất là 1,2%/tháng. Ngày hẹn trả là 02/6/2020. Từ sau khi hai bên chốt nợ ngày 02/6/2018 đến nay thì ông có thanh toán tiền lãi cho bà B của khoản tiền vay nợ 125.500.000 đồng, mỗi tháng là khoảng 1,5 triệu đồng. Ông trả theo tháng, hoặc có khi 2-3 tháng thì trả tiền lãi 01 lần. Mỗi lần trả ông không có giấy tờ gì, bà B tự theo dõi trong sổ ghi nợ của bà B. Đến nay ông không nhớ được tổng số tiền lãi đã thanh toán cho bà B được bao nhiêu. Ông được biết là đã thanh toán được tổng số tiền lãi cho bà B là 25.500.000 đồng thì ông không ý kiến gì.

Nay bà B khởi kiện buộc vợ chồng ông phải thanh toán số tiền còn nợ là 125.500.000 đồng và số tiền lãi 1,2%/tháng kể từ ngày 02/6/2018 đến nay (trừ đi số tiền lãi đã nộp cho bà B) thì ông không có ý kiến gì. Ông đồng ý trả nợ cho bà B

nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông đề nghị được trả dần tiền gốc, còn tiền lãi thì đề nghị bà B cho vợ chồng ông xin miễn khoản tiền này.

* Bị đơn là bà Tạ Thị H trong quá trình giải quyết vụ án không đến Tòa án để làm việc, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án.

- Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự. Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

+ Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Tạ Thị H trả cho bà Vũ Thị B và ông Nguyễn Văn Ch tổng số tiền 175.300.000 đồng.

+ Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Tạ Thị H phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]- Về việc vắng mặt của người tham gia tố tụng tại phiên tòa: Bị đơn là bà Tạ Thị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với bà H.

[2]- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Vũ Thị B yêu cầu ông Nguyễn Văn Đ và bà Tạ Thị H trả số tiền vay cả gốc và lãi là 176.798.000 đồng. Theo lời trình bày của bà B và Ông Đ thì xác định được Ông Đ có mua thức ăn chăn nuôi của bà B để chăn nuôi phát triển kinh tế gia đình. Ngày 14/7/2018, các bên chốt nợ và thống nhất với nhau chuyển số tiền nợ 125.500.000 đồng thành khoản tiền vay của Ông Đ đối với bà B bằng Giấy vay tiền. Các bên có giao kết bằng văn bản, ghi rõ số lượng tiền vay, lãi suất vay và thời hạn trả nợ nên xác định đây là hợp đồng vay tài sản (theo điều 463 của Bộ luật dân sự). Quan hệ giữa các bên là quan hệ dân sự giữa cá nhân với cá nhân, các bên đã không tự giải quyết được khi có tranh chấp phát sinh, bà B đã làm đơn khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự nên xác định đây là "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Ông Đ bà H cư trú ở địa bàn huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh

Bắc Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại các Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]- Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Bà B yêu cầu Ông Đ bà H trả số tiền gốc 125.500.000 đồng thì thấy: Theo lời trình bày của các đương sự thì xác định có việc Ông Đ nợ của bà B số tiền gốc 125.500.000 đồng và hẹn ngày 02/6/2020 trả. Quá trình giải quyết vụ án, Ông Đ xác nhận có nợ tiền của bà B và đồng ý trả theo yêu cầu của bà B. Bà H là vợ của Ông Đ không đến Toà án làm việc, không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà B. Ông Đ xác định vợ chồng ông có nợ tiền của bà B và đồng ý trả theo yêu cầu của bà B. Bà B yêu cầu Ông Đ bà H trả cho vợ chồng bà số tiền gốc 125.500.000 đồng là có căn cứ và cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự và Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Đối với yêu cầu tiền lãi: Bà B yêu cầu Ông Đ bà H trả tiền lãi tính kể từ ngày 02/6/2018 (tức ngày 14/7/2018 dương lịch) đến ngày toà án xét xử vụ án này (ngày 30/9/2022) với mức lãi suất là 1,2%/tháng, cụ thể thời gian tính lãi là 04 năm 02 tháng 16 ngày nhưng bà chỉ yêu cầu trả lãi trong thời gian 04 năm 02 tháng với tổng số tiền lãi là 75.300.000 đồng, trừ số tiền lãi đã trả 25.500.000 đồng, tiền lãi Ông Đ bà H còn phải trả vợ chồng bà là 49.800.000 đồng thì thấy: Theo lời trình bày của bà B, Ông Đ và thoả thuận giữa các bên trong giấy vay tiền thì các bên có thỏa thuận lãi suất 1,2%/tháng. Ông Đ đồng ý với yêu cầu tiền lãi của bà B nhưng do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông xin bà B miễn cho khoản tiền lãi. Bà B không đồng ý với ý kiến của Ông Đ về tiền lãi do vậy không có căn cứ xem xét ý kiến của Ông Đ về tiền lãi. Bà B yêu cầu Ông Đ bà H trả tổng số tiền lãi là 49.800.000 đồng là có căn cứ và cần được chấp nhận theo quy định tại Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

[4]- Về án phí: Ông Đ bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu khởi kiện của bà B được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của

Bộ luật dân sự. Điều 37 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Tạ Thị H trả cho bà Vũ Thị B và ông Nguyễn Văn Ch số tiền là 175.300.000 đồng.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ và bà Tạ Thị H phải chịu 8.765.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong đối với các khoản tiền mà bên có nghĩa vụ phải thanh toán cho bên được thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

5. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Chuyền